

Số: 4830/2023/QĐST-HNGĐ *Thành phố Thủ Đức, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30 do Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/4/2016;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2868/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1987

Căn cước công dân số: 087087005129 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/01/2023

Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ: Số 75/22/23/6 Đường 48, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: Bà Văn Thị Ngọc M, sinh năm 1989

Căn cước công dân số: 064189008073 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/02/2022

Hộ khẩu thường trú: Tổ 9, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

Địa chỉ: Số 75/22/23/6 Đường 48, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 21 tháng 12 năm 2023, bà Văn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Hồng N thỏa thuận:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Hồng N thuận tình ly hôn. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh N1 cho bà Văn Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hồng N cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng, thực hiện từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Văn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Hồng N nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Thị Ngọc M, sinh năm 1989 và ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1987 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Văn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Hồng N có 01 con chung là Nguyễn Minh N1 (nam), sinh ngày 21/3/2017. Giao con chung Nguyễn Minh N1 cho bà Văn Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hồng N cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng, thực hiện từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bà Văn Thị Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Hồng N không thi hành án cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Tài sản chung: Không có

1.4. Nợ chung: Không có

1.5. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Văn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Hồng N nộp, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà M và ông N đã nộp theo biên lai thu số 0000548 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M và ông N đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân thị trấn KBang, huyện KBang, tỉnh Gia Lai;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh

